

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HS-ST
Ngày 28-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Huân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thùng Văn Liên

Ông Lò Văn Tuấn

- Thư ký phiên toà: Ông Lò Văn Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện VKSND huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà:
Ông Phùng Việt Hùng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại Nhà Văn hóa bản N 1, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Tráng Thị D, sinh năm 1971 tại huyện M, tỉnh Yên Bái.

Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản P, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Không biết chữ.

Dân tộc: Mông; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Tráng A H, sinh năm 1945; Con bà: Sùng Thị M, sinh năm 1946.

Bị cáo có chồng Sùng A C, sinh năm 1970 và 05 con, con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 10/8/2019, tạm giam ngày 19/8/2019, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Bùi Đình M, Luật sư của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

*** Người phiên dịch cho bị cáo:** Ông Hồ A D, sinh năm 1984, địa chỉ: Bản H, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 09 tháng 8 năm 2019, Tráng Thị D mang theo 3.000.000 đồng đi bộ từ nhà ở bản P, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên lên lán nương của gia đình ở khu vực mốc 65 biên giới Việt Nam - Lào để nhổ cỏ nương. Trên đường đi, bị cáo gặp, giao dịch và mua được một gói ma túy của một người đàn ông khoảng 30 tuổi bị cáo không rõ lai lịch. Bị cáo mở gói ma túy ra xem thấy có 198 viên màu hồng và 02 viên màu xanh. Biết chắc chắn mua được ma túy tổng hợp rồi, bị cáo trả tiền 3.000.000 đồng cho người đàn ông rồi gói ma túy lại như cũ và cất giấu vào trong người. Sau khi nhận được tiền, người đàn ông đưa thêm cho bị cáo một gói ma túy tổng hợp nữa, bên trong có chứa 16 viên nén màu hồng và 01 viên nén màu xanh. Tráng Thị D cầm gói ma túy người đàn ông đưa, cất giấu vào trong người rồi tiếp tục lên nương nhổ cỏ. Tối cùng ngày bị cáo quay trở về nhà lấy hai gói ma túy ra cất giấu vào giường ngủ của bị cáo. Sau đó bị cáo lại lấy một gói có 17 viên ma túy tổng hợp ra chưa kịp sử dụng thì tổ công tác Đồn Biên phòng N và Công an huyện N phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Cáo trạng số 05/CT-VKSNP ngày 30/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Tráng Thị D về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; Điều 38, Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên phạt bị cáo Tráng Thị D từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự về xử lý vật chứng của vụ án.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249 và tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt. Đề nghị miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng, bản luận tội của Viện Kiểm sát nhân dân huyện N và luận cứ bào chữa của Luật sư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ phạm tội:

Biên bản bắt người phạm tội quả tang hồi 21 giờ 30 phút ngày 10/8/2019 bút lục 01, 02 chứng minh bị cáo Tráng Thị D bị bắt khi đang tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổ công tác Đoàn Biên phòng N phối hợp với Công an huyện N tạm giữ của bị cáo 02 gói ni lông màu hồng, mở bên trong một gói có 17 viên nén, trong đó có 16 viên nén màu hồng và 01 viên nén màu xanh. Mở bên trong gói thứ hai có 200 viên nén, trong đó có 198 viên nén màu hồng và 02 viên nén màu xanh. Các viên nén màu hồng nghi là ma túy tổng hợp.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 16 giờ 00 phút ngày 11/8/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N bút lục số 34, 35 khối lượng vật chứng thu giữ khi bắt quả tang bị cáo Tráng Thị D là 20,5 gam viên nén màu hồng, trích mẫu gửi giám định 1,16 gam và 0,31 gam viên nén màu xanh gửi toàn bộ đi giám định.

Kết luận giám định số 842/GĐ-PC09 ngày 16/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên bút lục số 40 thì 02 mẫu viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của Tráng Thị D gửi giám định là chất ma túy loại Methamphetamine; Không tìm thấy chất ma túy trong hai mẫu viên nén màu xanh thu giữ của Tráng Thị D gửi giám định. Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, mục IIC danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Không hoàn lại đối tượng giám định.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo Tráng Thị D có tội. Bị cáo đã mua ma túy tổng hợp về nhà tàng trữ để sử dụng cho bản thân. Chứng cứ xác định bị cáo đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy được quy định tại Điều 249 của Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo được thực hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp và đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tráng Thị D có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[2] Về tính chất mức độ phạm tội:

Khối lượng vật chứng tạm giữ của Tráng Thị D là 20,5 gam Methamphetamine và 0,31 gam viên nén màu xanh. Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên cho thấy 0,31 gam viên nén màu xanh không có chất ma túy. Do vậy bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 20,5 gam viên nén màu hồng loại Methamphetamine. Khối lượng ma túy mà bị cáo tàng trữ ở trong khoảng từ 05 gam đến dưới 30 gam. Tính chất mức độ phạm tội của bị

cáo rất nghiêm trọng và bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm tù.

[3] Về nhân thân của bị cáo:

Bị cáo sinh ra và lớn lên ở huyện M, tỉnh Yên Bái. Năm 2003, bị cáo cùng gia đình chuyển đến sinh sống tại bản P, xã N, huyện N, tỉnh Điện Biên. Tuổi đời bị cáo đã cao nhưng do nghiện chất ma túy nhiều năm bị cáo không từ bỏ được. Đây là nguyên nhân chính mà bị cáo phải nhận một bản án không đáng có.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối chiếu các quy định tại khoản 1 của Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 thì bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Đây là cơ sở để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Luật sư bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249 và tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt. Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo nhưng vẫn phải nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Song xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, tài sản trong gia đình không có gì giá trị, bị cáo không giữ

chức vụ gì trong xã hội, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Tráng Thị D.

[8] Về vật chứng:

Vật chứng của vụ án là 20,5 gam Methamphetamine, trích mẫu gửi giám định 1,16 gam không hoàn lại đối tượng giám định. Vật chứng này tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ do vậy Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí HSST cho bị cáo theo quy định tại Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

[11] Các vấn đề khác:

Nguồn gốc số ma túy bị thu giữ bị cáo khai mua của một đàn ông khoảng 30 tuổi bị cáo không rõ lai lịch ở khu vực mốc 65 biên giới Việt Nam - Lào. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không có đủ cơ sở để làm rõ đối tượng. Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Tráng Thị D** phạm tội "**Tàng trữ trái phép chất ma túy**".

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo **Tráng Thị D 07** (bảy) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, ngày 10/8/2019.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 20,5 gam Methamphetamine, trích mẫu gửi giám định 1,16 gam không hoàn lại đối tượng giám định. Vật chứng còn lại 19,34 gam và toàn bộ phần giấy nilon cũ của hai gói vật chứng, phong bì niêm phong cũ của Đoàn Biên phòng N, bắt ngày 10/8/2019 được đựng trong 01 phong bì niêm phong có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng hồi 14 giờ 00 phút ngày 30/12/2019 giữa Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa XIV về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Tráng Thị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 28/02/2020.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện N;
- Nhà tạm giữ Công an huyện N;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Bị cáo, Luật sư bào chữa;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Mạnh Huân